

Bản án số: **164/2024/DS-PT**
Ngày 08 - 5 - 2024
V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú, ông Võ Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/QĐ-PT ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Đội 3, thôn 1A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978; địa chỉ: Hẻm 310 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2023); *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 3, thôn 1A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Kim A, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của chị A: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978; địa chỉ: Hẻm 310 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2023); *Có mặt.*

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hà Thị Đ là ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Ngày 06/12/2021, bà Hà Thị Đ đưa cho bà Phan Thị T số tiền 635.000.000 đồng để nhờ bà T mua 01 thửa đất cho bà Đ có kích thước 13m x 70m tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo “Giấy xác nhận giao tiền” ngày 06/12/2021, phía dưới mục “Người cầm tiền” có chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị T là do bà T ký, viết ra. Tuy nhiên, sau đó bà T không giao đất cũng như không trả số tiền nêu trên cho bà Đ. Vì vậy bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 635.000.000 đồng.

Ngày 16/10/2023, bà Đ thay đổi nội dung khởi kiện và trình bày: Vì sau đó hai bên thỏa thuận bà T nhận chuyển nhượng lại diện tích đất trên của bà Đ với giá là 832.000.000 đồng nên vào ngày 02/4/2022, bà T đã giao 200.000.000 đồng cho bà Đ, ngày 23/02/2023 bà T tiếp tục giao số tiền 532.000.000 đồng cho chị Trần Kim A là con gái của bà Đ, còn lại 100.000.000 đồng đến nay bà T vẫn chưa trả cho bà Đ. Do vậy, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà T phải trả cho bà Đ số tiền 100.000.000 đồng theo “Giấy nhận tiền” lập ngày 23/02/2023 giữa chị Trần Kim A với bà Phan Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà T là cháu ruột gọi bà Đ bằng dì. Bà T thừa nhận có nhận của bà Đ số tiền 635.000.000 đồng để bà T mua đất cho bà Đ, thửa đất có kích thước 13 x 70m tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó bà Đ không có khả năng trả tiền vay lãi nóng nên bà Đ đã chuyển nhượng lại thửa đất nêu trên cho bà T với giá 832.000.000 đồng. Bà T đã trả cho bà Đ tổng số tiền 732.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/3/2022, bà T trả cho bà Đ 100.000.000 đồng, hai bên có viết giấy giao nhận tiền và giao cho bà Đ giữ;

- Ngày 13/4/2022, bà T trả cho bà Đ 100.000.000 đồng, giấy tờ giao nhận tiền do bà Đ giữ bản chính;

- Ngày 23/02/2023, bà T trả cho chị Trần Kim A là con gái của bà Đ số tiền 532.000.000 đồng, hai bên có viết giấy giao nhận tiền tại nhà bà Đ, bà Đ là người giữ giấy.

Hiện nay, bà T còn nợ bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên bà T và bà Đ thỏa thuận cùng bỏ tiền ra làm thủ tục cấp đổi, tách thửa, chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất thổ cư, riêng thửa đất của bà Đ hết số tiền 175.000.000 đồng, bà T là người trực tiếp nhờ dịch vụ làm nên không có tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Như vậy, trừ vào số tiền bà T còn nợ bà Đ thì bà Đ còn nợ lại bà T số tiền 75.000.000 đồng. Vì vậy, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Kim A là ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Chị Trần Kim A là con gái của bà Hà Thị Đ. Ngày 23/02/2023, chị A đã nhận của bà T số tiền 532.000.000 đồng, chị A là người viết giấy nhận tiền và đưa cho bà T giữ bản chính. Chị A nhận số tiền nêu trên thay cho bà Đ và đã giao lại toàn bộ cho bà Đ, giữa chị A và bà Đ không có tranh chấp gì về số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Đ.

Buộc bà Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2024, bị đơn bà Phan Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà T xác định còn nợ lại bà Đ số tiền nhận chuyển nhượng đất là 100.000.000 đồng, nhưng giữa bà Đ và bà T có thỏa thuận cùng bỏ tiền ra để làm thủ tục cấp đổi, tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, riêng thửa đất của bà Đ thì bà T đã chi phí hết 175.000.000 đồng, sau khi khấu trừ tiền nợ thì bà Đ còn nợ lại bà T 75.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày này, bà T không cung cấp được chứng cứ về việc thỏa thuận trên, bà Đ cũng không thừa nhận. Tại cấp phúc thẩm, bà T cung cấp các chứng từ giao dịch chuyển tiền tại Ngân hàng nhưng không thể hiện nội dung gì, còn giấy biên nhận tiền của bà Lục Thị T1 (T1) xác định bà T1 nhận tiền của bà T để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Mậu A (con bà T) là không phù hợp với lời trình bày của bà T.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của đơn bà Phan Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn trình bày, vào ngày 06/12/2021, bà Phan Thị T có nhận của bà Hà Thị Đ số tiền 635.000.000 đồng để bà T nhận chuyển nhượng đất cho bà Đ, thửa đất có diện tích 13x70m theo “Giấy xác nhận giao tiền ngày 06/12/2021” (BL 52); sau đó bà Đ chuyển nhượng lại thửa đất trên cho bà T với giá 832.000.000 đồng. Bà T đã trả cho bà Đ tổng số tiền 732.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng.

Các đương sự xác định việc giao nhận tiền đều lập giấy tờ nhưng không ai thừa nhận đang giữ các chứng cứ này, chỉ có lần bà T trả số tiền 532.000.000 đồng cho bà Đ vào ngày 23/02/2023 thông qua người nhận là chị Trần Kim A - con gái bà Đ thì bà T có cung cấp được bản photo (BL 11). Tuy nhiên, nội dung này các đương sự đều thừa nhận và không có tranh chấp.

Tại “Giấy nhận tiền đề ngày 23/02/2023” bà T ký xác nhận với chị Trần Kim A nội dung còn nợ lại bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, phù hợp với các lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án nhưng phía bà T cho rằng thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất thì giữa bà T và bà Đ đã thỏa thuận cùng bỏ tiền ra làm thủ tục cấp đổi, tách thửa, chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất thổ cư, riêng thửa đất của bà Đ hết 175.000.000 đồng, nên khấu trừ số tiền bà T còn nợ bà Đ thì hiện tại bà Đ còn nợ lại bà T số tiền 75.000.000 đồng.

[2] Tại cấp phúc thẩm, bà T có cung cấp 04 chứng từ giao dịch của Ngân hàng N - chi nhánh huyện C vào các ngày 03/02/2023, 14/02/2023, 20/6/2023 và 04/8/2023, thể hiện bà Phan Thị T có chuyển đến tài khoản 5206205026116 của bà Lục Thị T1 tổng số tiền 81.000.000 đồng và 01 Giấy nhận tiền không đề ngày có nội dung: bà Lục Thị T1 (T1) có nhận của bà T số tiền 50.000.000 đồng, đưa trước 30.000.000 đồng để làm thủ tục giấy tờ đất cấp đổi hồ sơ Trần Mậu A, còn lại 20.000.000 đồng làm xong hồ sơ cấp đổi thì bà T đưa đủ.

Xét, các chứng từ giao dịch ngân hàng trên đều không thể hiện nội dung bà T chuyển tiền cho bà T1 để làm gì, còn số tiền bà Lục Thị T1 (T1) nhận của bà T tại “Giấy nhận tiền” là để làm thủ tục cấp đổi GCNQSD đất cho ông Trần Mậu A - con trai của bà T, điều này chỉ để chứng minh việc bà T có bỏ ra các chi phí này mà không chứng minh được giữa bà T và bà Đ có thỏa thuận cùng chịu chung các chi phí, không được bà Đ thừa nhận nên không có cơ sở để khấu trừ trong số tiền bà T còn nợ bà Đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà T phải trả cho bà Đ số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Đ.

Buộc bà Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0014890 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Nguyễn Đình Triết